

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy  
cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG  
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 13 (BẤT THƯỜNG)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy  
ngày 03 tháng 6 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của  
Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức  
hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế  
độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa  
bệnh;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP  
ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp  
xử lý chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của  
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP  
ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp  
giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị  
định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định  
chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ  
sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối  
với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;*

*Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của  
Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ  
đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;*

*Xét Tờ trình số 189/TTr-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh.

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp, nguồn kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ hỗ trợ, mức đóng góp đối với người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện công lập trên địa bàn tỉnh.

b) Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện công lập trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2.** Chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện công lập.

1. Chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập của tỉnh, gồm:

a) Hỗ trợ bằng 70% định mức tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, tiền đồ dùng sinh hoạt cá nhân đối với người nghiện cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

b) Bố trí chỗ ở miễn phí tại cơ sở cai nghiện công lập trong suốt thời gian cai nghiện.

c) Hỗ trợ 95% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sĩ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường cho các đối tượng: Người dân tộc thiểu số; người bị nhiễm HIV/AIDS; người thuộc hộ cận nghèo; người chưa thành niên (từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi).

Các chế độ còn lại được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ như sau:

- a) Hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt con nghiện ma túy.
- b) Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe: 150.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.
- c) Hỗ trợ chi phí xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt con: 200.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

**Điều 3.** Mức đóng góp đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện công lập.

1. Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện công lập phải đóng góp các khoản chi phí như sau:

a) 100% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sĩ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS) theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập; chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường tại cơ sở cai nghiện ma túy theo phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp trường hợp không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Riêng các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP của Chính phủ và các đối tượng mở rộng tại điểm c khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này chỉ đóng góp 5% chi phí nêu trên.

b) Đóng góp bằng 30% định mức mức tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, tiền đồ dùng sinh hoạt cá nhân đối với người nghiện cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

c) Chi phí tiền điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/người/tháng.

d) Chi phí sinh hoạt văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/người/đợt.

đ) Chi phí học văn hóa, học nghề (nếu bản thân đối tượng có nhu cầu): Mức thu tùy thuộc vào ngành nghề đăng ký và chi phí thực tế từng thời điểm, đảm bảo thu đủ bù chi.

2. Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng trong thời gian cai nghiện phải đóng góp các khoản chi phí như sau (trừ các trường hợp được miễn, giảm và hỗ trợ theo quy định):

a) Chi phí khám sức khỏe: 150.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

b) Xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt con: 200.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

c) Tiền thuốc trong hỗ trợ điều trị cắt con nghiện ma túy: 400.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

d) Tiền ăn trong thời gian cắt con nghiện tập trung tại Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh: 40.000 đồng/người/ngày, thời gian cắt con nghiện đến khi có kết quả xét nghiệm âm tính với chất ma túy.

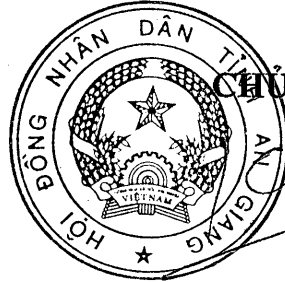
đ) Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện ma túy theo quy định hiện hành.

**Điều 4.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 5.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX kỳ họp thứ 13 (bất thường) thông qua ngày 05 tháng 5 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2020. / *my*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTWQH;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang;
- Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-P. *st*



**CHỦ TỊCH**

**Võ Anh Kiệt**